

Số: 59 /TB-HĐXT

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO

Triệu tập thí sinh, công bố nội dung ôn tập, thu lệ phí tham dự vòng 02 kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng năm 2021

Căn cứ Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng, năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-SNN ngày 12/11/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng, năm 2021;

Căn cứ Thông báo số 84/TB-SNN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng về tuyển dụng viên chức năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-SNN ngày 17/12/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt danh sách thí sinh có đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự vòng 02 kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng, năm 2021;

Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo triệu tập thí sinh dự tuyển vòng 02 xét tuyển viên chức làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng, năm 2021 cụ thể như sau:

1. Danh sách thí sinh có đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự vòng 02 xét tuyển viên chức làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng, năm 2021 (có danh sách kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm tổ chức thi

- Thời gian: Từ ngày 25/12/2021 đến 26/12/2021 buổi sáng bắt đầu từ 7 giờ 30 phút, buổi chiều bắt đầu từ 13 giờ 30 phút.

- Địa điểm: Hội trường Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng, Số 08 đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng

3. Hình thức thi: Phỏng vấn trực tiếp, thí sinh chỉ được bốc thăm câu hỏi 01 lần, khi bốc đề phỏng vấn xong, thí sinh về vị trí chuẩn bị nội dung để trả lời. Thí

sinh chuẩn bị nội dung câu hỏi trên giấy của Hội đồng chuẩn bị sẵn, chuẩn bị xong báo cáo với cán bộ phỏng vấn để trả lời hoặc khi thời gian gần hết cán bộ phỏng vấn gọi lên trả lời; thời gian chuẩn bị không quá 15 phút và thời gian trả lời phỏng vấn tối đa là 30 phút.

4. Thu lệ phí xét tuyển

Thí sinh nộp lệ phí thi trước mỗi buổi phỏng vấn, lệ phí 500.000 (Năm trăm nghìn đồng)/thí sinh theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

5. Nội dung ôn tập

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ không tổ chức ôn tập, nội dung ôn tập đối với từng vị trí dự tuyển Hội đồng sẽ cung cấp cho thí sinh tự ôn tập. Nội dung cụ thể như sau:

A. Chi cục Chăn nuôi và Thú y

1. Phụ trách phòng chống chống dịch bệnh động vật: Thẩm định điều kiện vệ sinh thú y; Thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi, quản lý môi trường chăn nuôi; Thực hiện việc kiểm soát giết mổ động vật theo quy trình và giám sát vệ sinh thú y ở các cơ sở giết mổ, sơ chế, bảo quản động vật, sản phẩm động vật

- Luật Thú y.

- Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thông tư 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thông tư 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y.

2. Vị trí thống kê tổng hợp: Phụ trách tổng hợp và xử lý số liệu theo dõi các khoản xuất, nhập vật tư, hóa chất tiêm phòng, phòng chống dịch và các hoạt động khác trong lĩnh vực chuyên ngành thú y. Theo dõi tình hình công nợ tạm ứng, nợ vaccin tiêm phòng, và công tác tổng hợp hoạt động thu chi toàn đơn vị.

- Luật kế toán.

- Nghị định 174/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán.

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Thông tư số 68/2021/TT-BTC ngày 06/08/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí trong lĩnh vực thú y nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

B. Trung tâm Giống nông nghiệp

1. Vị trí Kế toán: Thực hiện công tác tài chính và thực hiện các chế độ chính sách và tiền lương cho cán bộ, viên chức trong đơn vị. Theo dõi, đối chiếu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn và các chế độ chính sách của cán bộ, viên chức, lao động

- Luật kế toán.

- Nghị định 174/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán.

- Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Vị trí tổ chức, hành chính tổng hợp: Thực hiện công tác hành chính tổng hợp. Thực hiện công tác tài chính và thực hiện các chế độ chính sách và tiền lương cho cán bộ, viên chức trong đơn vị. Theo dõi và thực hiện việc nâng lương thường xuyên và nâng lương trước thời hạn của cán bộ, viên chức, lao động Trung tâm; Xây

dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, công tác pháp chế, công tác phòng chống tham nhũng; công tác dân vận; công tác dân chủ;...

- Luật viên chức

- Quyết định số 580/QĐ-SNN ngày 07/7/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giống nông nghiệp p tỉnh Sóc Trăng;

- Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động,

- Thông tư 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

3. Vị trí Quản lý sản xuất giống thủy sản: Quản lý sản xuất giống thủy sản (Thực hiện khảo nghiệm, chọn lọc giống mới (thủy sản), nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật vào sản xuất)

- Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017; (Mục 1. GIỐNG THỦY SẢN)

- Nghị định 26/2019/NĐ-CP, ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. (Chương III, Mục 1. GIỐNG THỦY SẢN)

4. Vị trí Phụ trách tư vấn, khảo sát thị trường và cung ứng dịch vụ giống mới: Vị trí phụ trách tư vấn, khảo sát thị trường và cung ứng dịch vụ giống mới. Thực hiện nhiệm vụ về các hoạt động dịch vụ; kinh doanh dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vật tư nông nghiệp.

- Luật Trồng trọt : Mục 4. SẢN XUẤT VÀ BUÔN BÁN GIỐNG CÂY TRỒNG

- Luật Thủy sản: Mục 1. GIỐNG THỦY SẢN

- Luật Chăn nuôi Mục 2. SẢN XUẤT, MUA BÁN GIỐNG VẬT NUÔI VÀ SẢN PHẨM GIỐNG VẬT NUÔI

C. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Vị trí quản lý Trồng trọt và Quản lý Bảo vệ thực vật

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013.

- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

- Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ về qui định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công tác điều tra phát hiện dịch hại trên lúa: QCVN01-166 : 2014/BNNPTNT.

- Quy trình thiết lập và giám sát vùng trồng theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS774:2020/BVTV ngày 30/11/2020 của Cục Bảo vệ thực vật.

D. Trung tâm Khuyến nông

Vị trí Phụ trách thông tin tuyên truyền quảng bá; Phụ trách lĩnh vực trồng trọt; Phụ trách lĩnh vực thủy sản

- Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 28/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông

- Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện hoạt động khuyến nông.

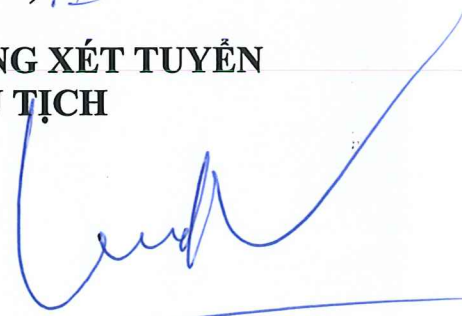
- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông sử dụng ngân sách đại phương trên đại bàn tỉnh Sóc Trăng.

Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng thông báo đến các cơ quan, đơn vị có liên quan và cá nhân thí sinh được biết. Thông báo này được gửi đến thí sinh và đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ <https://sonnptnt.soctrang.gov.vn> (mục Thông báo - Hướng dẫn). 

Nơi nhận:

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở;
- Giám đốc (b/c);
- Đăng cổng thông tin Sở;
- Lưu: VT, TCCB. 

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Trương Văn Đứng**

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ TUYỂN VÒNG 2 XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số:/TB-HĐXT, ngày.....tháng 12 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng năm 2021)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Đăng ký hộ khẩu thường trú	Số điện thoại	Trình độ đào tạo			Đối tượng Ưu tiên	Thời gian
		Nam	Nữ				Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
I	CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y										
1.1	Phòng Hành chính – Tổng hợp										
1	Hà Ngọc Kim		3/3/1984	Kinh	Số 81, Mạc Đình Chi, khóm 2, phường 4, thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng	0939.565.769	Đại học Kế toán tài chính	B1-Anh văn	Chứng chỉ B		7 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
1.2	Trạm Chẩn đoán Xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật										
1	Lê Tuấn Em	20/11/1984		Kinh	Số 87, đường Sương Nguyệt Anh, khóm 7, phường 2, TP. Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng	0936.006.301	Đại học Chăn nuôi thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ B	Công an xuất ngũ	7 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
2	Phan Thị Ngọc Mai		3/9/1994	Kinh	Số 294, Quốc lộ 1A, khóm 1, phường 7, thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng	0858.814686	Đại học Thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ B		7 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
3	Trương Vũ Phong	6/4/1986		Hoa	Số 159, Trần Bình Trọng, khóm 1, P2, Tp. Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng	0834.206.636	Đại học Công nghệ sinh học	B1-Anh văn	Chứng chỉ B	Dân tộc thiểu số	7 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
1.3	Trạm Chăn nuôi và Thú y Mỹ Xuyên										
1	Quách Sơn Thái	14/3/1996		Khmer	30/8 Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TT. Mỹ Xuyên, H. Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	0356.169.903	Đại học Thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ B	Dân tộc thiểu số	7 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
2	Cao Thanh Toàn	12/6/1984		Kinh	Áp Tam Hòa, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng	0915.734.008 8	Đại học Thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ B		7 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
1.4	Trạm Chăn nuôi và Thú y Trần Đề										
1	Huỳnh Thanh Nhân	12/11/1987		Kinh	Số 114, kênh 30/4, khóm 6, phường 6, thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng	0944.259.351	Đại học Thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ B		13 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
1.5	Trạm Chăn nuôi và Thú y Vĩnh Châu										
1	Lý Minh Hoàng	30/12/1976		Khmer	Khóm Cà Láng A, phường 2, thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng	0989.702.487	Đại học Thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ B	Dân tộc thiểu số	13 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
1.6	Trạm Chăn nuôi và Thú y Cù Lao Dung										
1	Nguyễn Văn Mộng	15/8/1990		Kinh	Số 803A, đường Phạm Hùng, khóm 7, phường 8, Tp. Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng	0975899.963	Đại học Thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ A		13 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
2	Lê Thị Ngọc Bích		6/6/1905	Hoa	Áp chợ, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung tỉnh Sóc Trăng	0978.643.773	Đại học Thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ A	Dân tộc thiểu số	13 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
1.7	Trạm Chăn nuôi và Thú y Long Phú										
1	Lâm Anh Khoa	12/4/1984		Kinh	Áp 2, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú tỉnh Sóc Trăng	0904.057.174	Đại học Thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ B		13 giờ 30 phút ngày 25/12/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Đăng ký hộ khẩu thường trú	Số điện thoại	Trình độ đào tạo			Đối tượng Ưu tiên	Thời gian
		Nam	Nữ				Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
2	Lê Thị Cẩm Tú		19/10/1990	Kinh	Khóm 3, phường 1, thị xã Ngã Năm tỉnh Sóc Trăng	0372253582	Đại học Thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ B		13 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
1.8	Trạm Chăn nuôi và Thú y Mỹ Tú										
1	Văn Thiện Thuật	30/1/1990		Khmer	Số 120, ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng	098.945.686	Đại học Thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ UDCNTT năng cao	Dân tộc thiểu số	7 giờ 30 phút ngày 26/12/2021
2	Trương Thanh Tâm	30/7/1981		Kinh	Số 135, Mai Thanh Thế, khóm 3, phường 9, thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng	0944.870.127	Đại học Chăn nuôi thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ A		7 giờ 30 phút ngày 26/12/2021
3	Trần Ngọc Vũ	1/1/1979		Kinh	Áp Phú Thành A, xã Phú Tâm, huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng	0984.276.640	Đại học Chăn nuôi thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ A	Đội viên TN xung phong	7 giờ 30 phút ngày 26/12/2021
4	Nguyễn Toàn Trung	1/7/1984		Kinh	Áp Phụng Tường 1, xã Song Phụng, huyện Long Phú tỉnh Sóc Trăng	0393.156.615	Đại học Thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ A		7 giờ 30 phút ngày 26/12/2021
1.9	Trạm Chăn nuôi và Thú y thị xã Ngã Năm										
1	Nguyễn Thành Lâm	17/8/1990		Kinh	Số 15, khóm Tân Quới, phường 2, thị xã Ngã Năm tỉnh Sóc Trăng	0988.187.301	Đại học Thú y	B- Anh văn	Chứng chỉ B		7 giờ 30 phút ngày 26/12/2021
II	TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG NGHIỆP										
2.1	Phòng Hành chính tổng hợp										
2.1.1	Kế toán										
1	Lê Thị Bích Ngân		6/5/1991	Kinh	Số 344, Mạc Đĩnh Chi, khóm 6, P9, thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng	0392.687.558	Đại học Kế toán	B- Anh văn	Chứng chỉ B		7 giờ 30 phút ngày 26/12/2021
2	Đỗ Thị Kim Cương		6/5/1990	Kinh	Áp Phước Thới, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng	0987.980.197	Đại học Kế toán	B1- Anh văn	Chứng chỉ B		7 giờ 30 phút ngày 26/12/2021
2.1.2	Tổ chức, Hành chính tổng hợp										
1	Nguyễn Thị Mỹ Hiền		2/8/1973	Kinh	Số 357/14/38, Trần Hưng Đạo, khóm 8, phường 3, thành phố Sóc Trăng tỉnh ST	0843.965.968	ĐH Hành chính học	B- Anh văn	Chứng chỉ A		7 giờ 30 phút ngày 26/12/2021
2.2	Phòng Dịch vụ kỹ thuật										
2.2.1	Quản lý sản xuất giống thủy sản										
1	Trần Thị Tuyết Ngân		15/5/1991	Kinh	Số 53 đường số 7, KĐT 5A, P4, TPST, tỉnh Sóc Trăng	0366.461.127	Đại học Nuôi trồng thủy sản	C- Anh văn	Chứng chỉ B		7 giờ 30 phút ngày 26/12/2021
2.2.2	Phụ trách tư vấn, khảo sát thị trường và cung ứng dịch vụ giống mới										
1	Trần Thị Ái Chân		10/6/1993	Kinh	Áp Mỹ Đông 1, xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm tỉnh Sóc Trăng	0394843583	Đại học Luật	B- Anh văn	Chứng chỉ A		7 giờ 30 phút ngày 26/12/2021
2	Đinh Thị Nhung		8/8/1988	Kinh	647/23 Trần Hưng Đạo, K8, P3, TPST	0972876490	Đại học Luật	B- Anh văn	Chứng chỉ B		7 giờ 30 phút ngày 26/12/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Đăng ký hộ khẩu thường trú	Số điện thoại	Trình độ đào tạo			Đối tượng Ưu tiên	Thời gian
		Nam	Nữ				Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
3	Nguyễn Thị Thùy Dung		19/3/1993	Kinh	658 ấp Châu Thành, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	0966420921	Đại học Luật	B- Anh văn	Chứng chỉ B		7 giờ 30 phút ngày 26/12/2021
III CHI CỤC TRÔNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT											
3.1	Trạm Trông trọt và BVTV thành phố Sóc Trăng										
3.1.1	Quản lý về Bảo vệ thực vật										
1	Võ Lan Hương		29/4/1989	Kinh	Áp Phước Hòa B, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung tỉnh Sóc Trăng	0374.268.884	Đại học Nông học	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3	Chứng chỉ UDCNTT cơ bản		7 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
3.1.2	Quản lý về Trồng trọt										
1	Lý Duy Khang	26/7/1993		Khmer	Áp thọ Hòa Đông B, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng	0396.600.099	Đại học Nông học	B- Anh văn	Chứng chỉ A	Dân tộc thiểu số	7 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
2	Trần Thị Kim Cương		8/3/1994	Kinh	Số 81, ấp Ngã Tư, xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng	0389.990.629	Đại học Khoa học cây trồng	B- Anh văn	Chứng chỉ UDCNTT cơ bản		7 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
3.2	Trạm Trông trọt và BVTV huyện Mỹ Tú										
1	Huỳnh Thị Thanh Thùy		20/9/1992	Kinh	Áp Ngã Tư, xã Tân Thạnh, huyện Long Phú tỉnh Sóc Trăng	0374.331.795	Đại học Bảo vệ thực vật	B- Anh văn	Chứng chỉ A		7 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
3.3	Trạm Trông trọt và BVTV huyện Mỹ Xuyên										
1	Phan Thị Thùy Mạnh		26/12/1989	Kinh	Áp An Phú, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng	0974.364.015	Đại học Nông học	B- Anh văn	Chứng chỉ B		7 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
IV TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG											
4.1	Phòng Kỹ thuật										
1	Huỳnh Hiệp Lợi	8/6/1986		Khmer	Số 897/58, đường Trần Hưng Đạo, khóm 1, phường 10, thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng	0912.193.285	Đại học Phát triển nông thôn	B- Anh văn	Chứng chỉ B	Dân tộc thiểu số	13 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
2	Lâm Sa Tha	7/11/1982		Khmer	187 Văn Ngọc Chính - Khóm 9, Phường 3, TP. Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng	0945.154.813	Đại học Nuôi trồng thủy sản	B- Anh văn	Chứng chỉ A,B	Dân tộc thiểu số	13 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
4.2	Trạm Khuyến nông huyện Cù Lao Dung										
1	Trương Thị Ngọc Diệp		8/3/1990	Kinh	Áp An Nghiệp, xã Anh Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung tỉnh Sóc Trăng	0392.103.077	Đại học Khoa học đất	B- Anh văn	Chứng chỉ A,B		13 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
4.3	Trạm Khuyến nông thị xã Ngã Năm										
1	Hồ Thị Cẩm Ngọc		28/10/1989	Kinh	Số 0, khóm Vĩnh Sữ, phường 3, thị xã Ngã Năm tỉnh Sóc Trăng	0365.266.372	Đại học Nông học	B- Anh văn	Chứng chỉ A		13 giờ 30 phút ngày 25/12/2021
2	Hứa Lâm Ngọc Trán	28/2/1994		Kinh	Số 46, đường Xẻo Trích, khóm 2, phường 1, thị xã Ngã Năm tỉnh Sóc Trăng	0822.567.494	Đại học Bảo vệ thực vật	B- Anh văn	Chứng chỉ A		13 giờ 30 phút ngày 25/12/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Đăng ký hộ khẩu thường trú	Số điện thoại	Trình độ đào tạo			Đối tượng Ưu tiên	Thời gian
		Nam	Nữ				Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
4.4	Trạm Khuyến nông thị xã Vĩnh Châu										
1	Nguyễn Thị Kim Hồng		20/10/1990	Kinh	Khóm Vĩnh Trung, phường 2, thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng	0904.207.257	Đại học Nuôi trồng thủy sản	B- Anh văn	Chứng chỉ B		13 giờ 30 phút ngày 25/12/2021